

Bài giảng 11

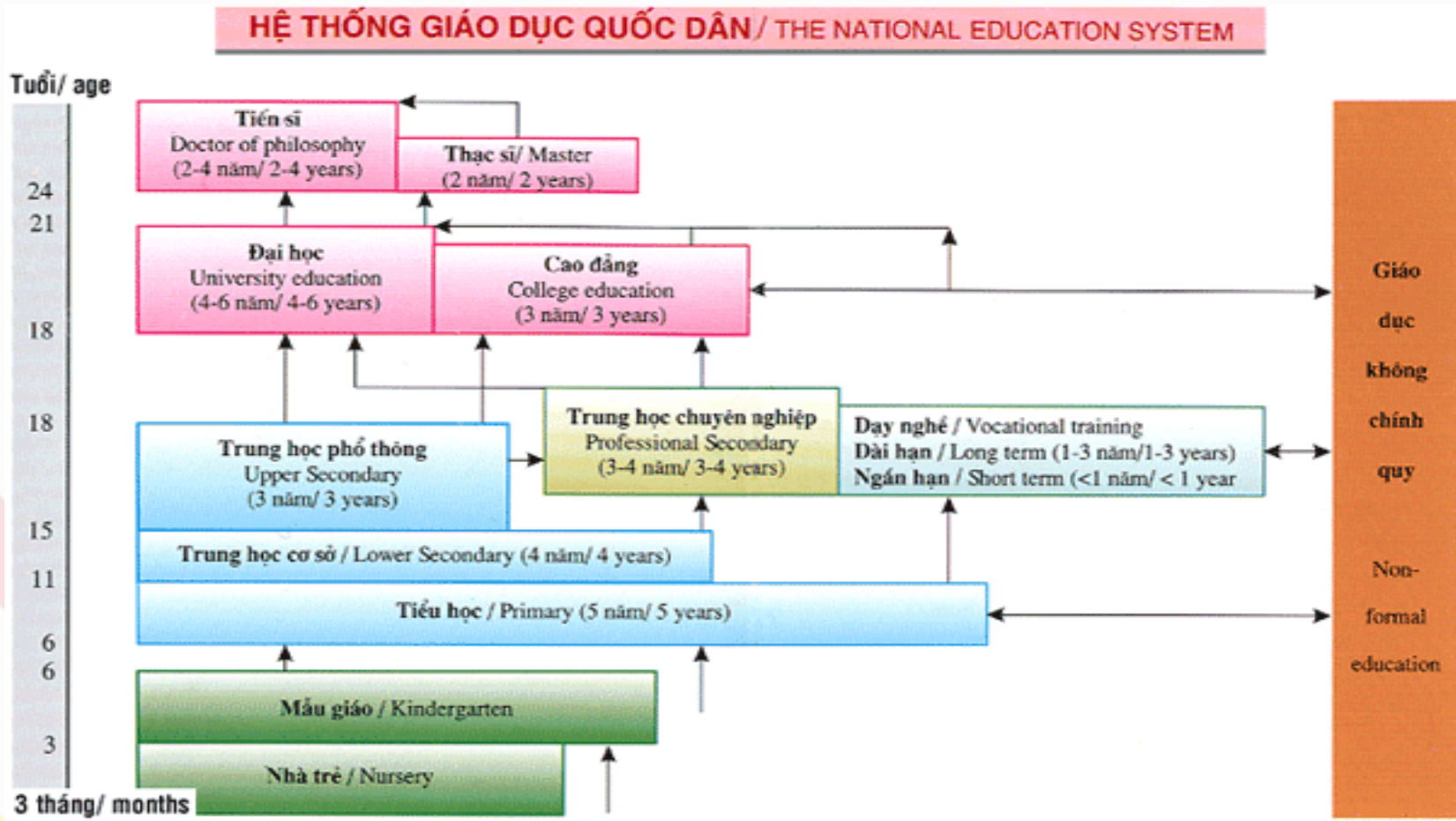
Chính sách giáo dục

Đỗ Thiên Anh Tuấn
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Nội dung

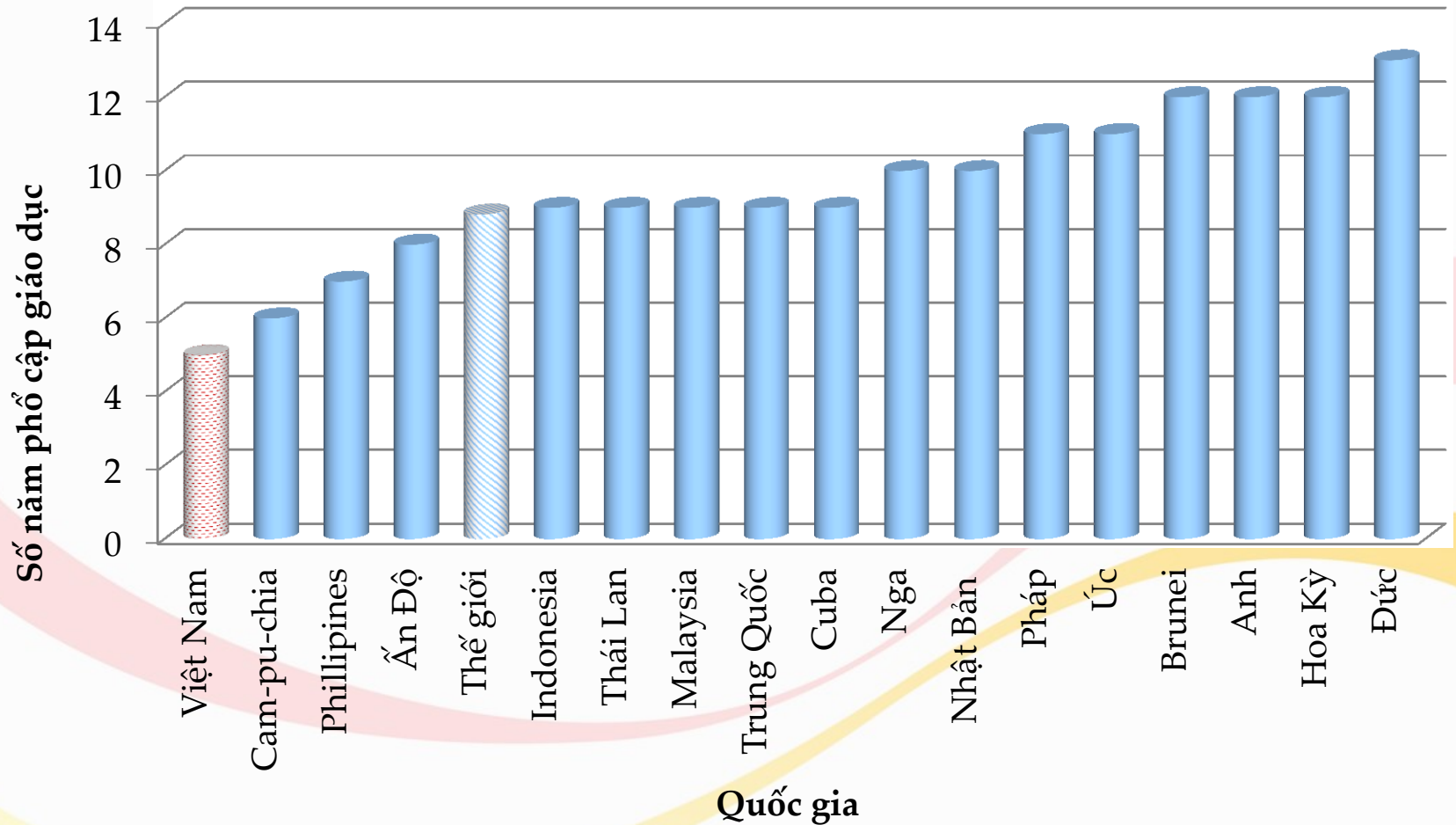
- Chính phủ có cơ sở can thiệp vào lĩnh vực giáo dục hay không? Thất bại thị trường, nếu có, là gì?
- Chính phủ nên can thiệp vào thị trường giáo dục như thế nào? Chính phủ nên tự cung cấp hay tài trợ hay phân phối?
- Sự đánh đổi giữa hiệu quả và công bằng trong chính sách giáo dục là gì?
- Việt Nam chi cho giáo dục đã đủ chưa hay là quá nhiều?
- Các chính sách cho giáo dục hiện nay nên như thế nào?

Hệ thống giáo dục quốc dân



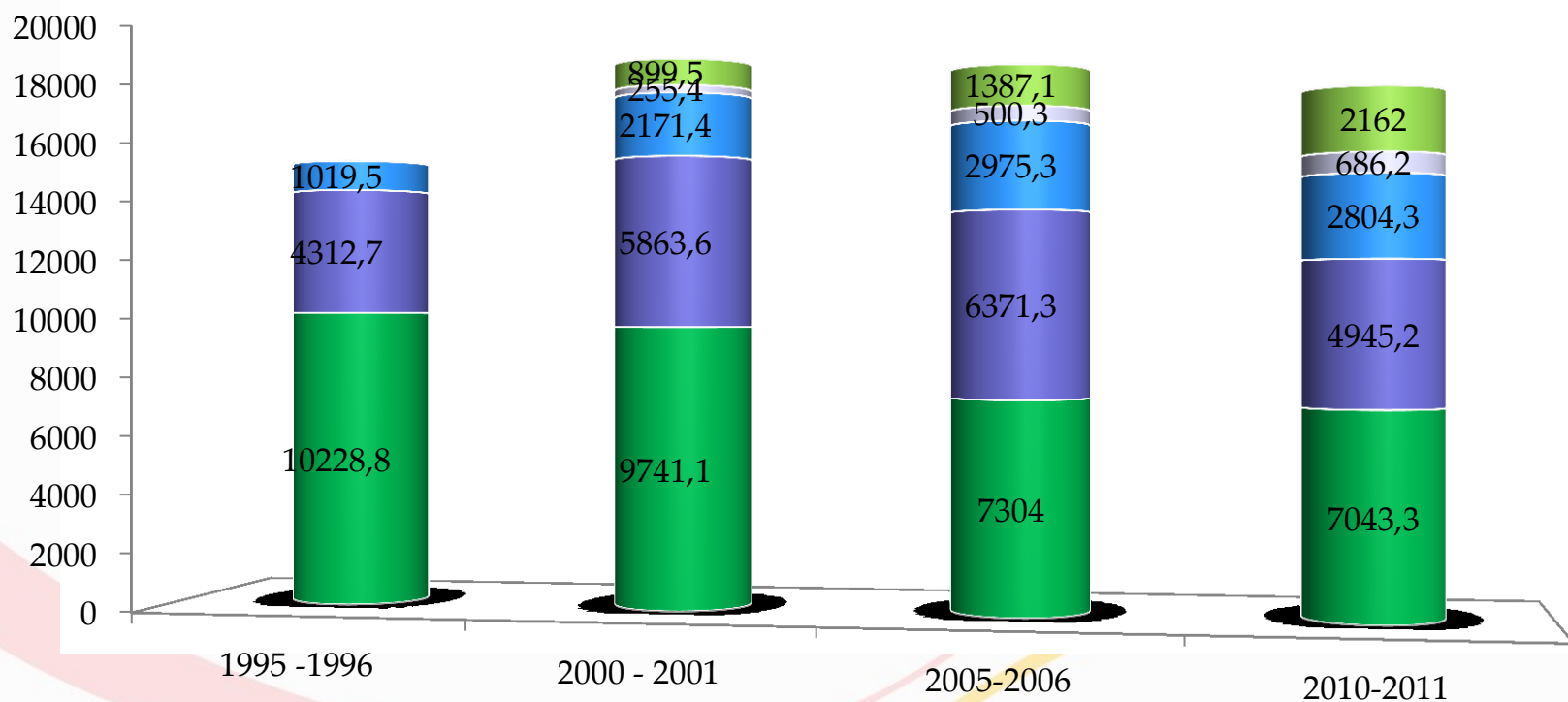
Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức độ phổ cập giáo dục của Việt Nam so với thế giới



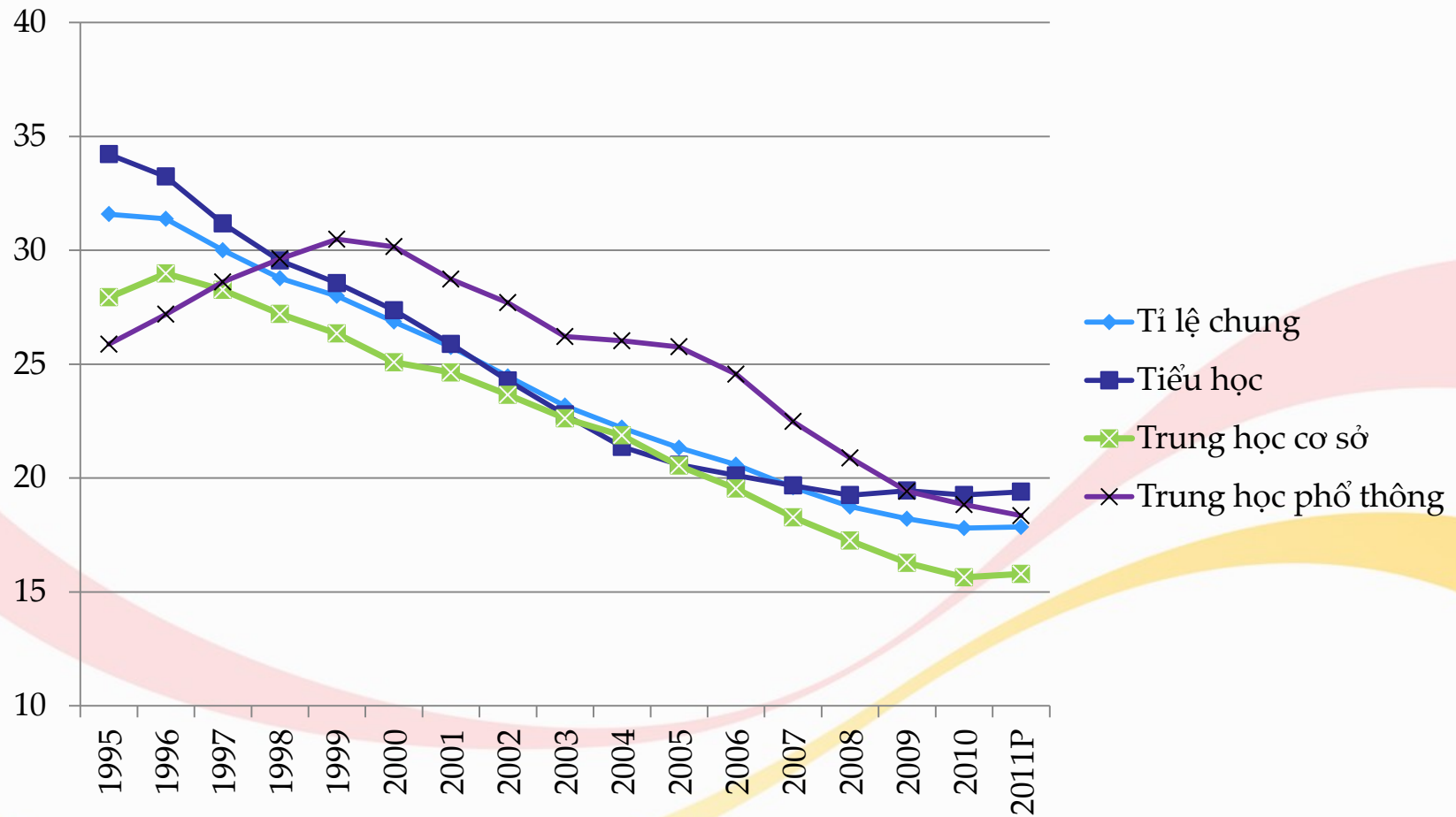
Nguồn: NationMaster

Số lượng học sinh ở các cấp học (nghìn học sinh)

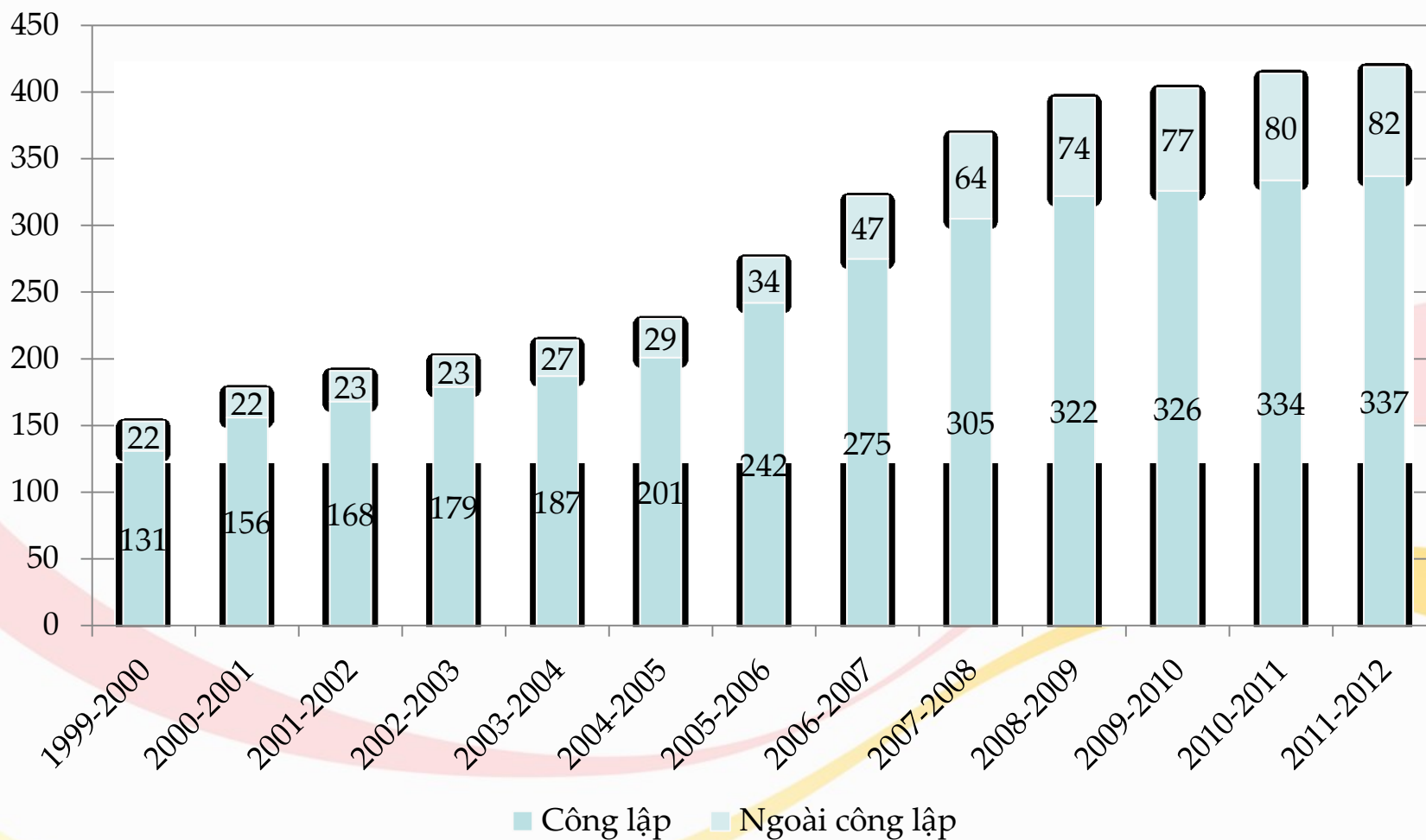


■ Tiểu học ■ Trung học cơ sở ■ Trung học phổ thông ■ Trung học, chuyên nghiệp ■ Đại học, cao đẳng

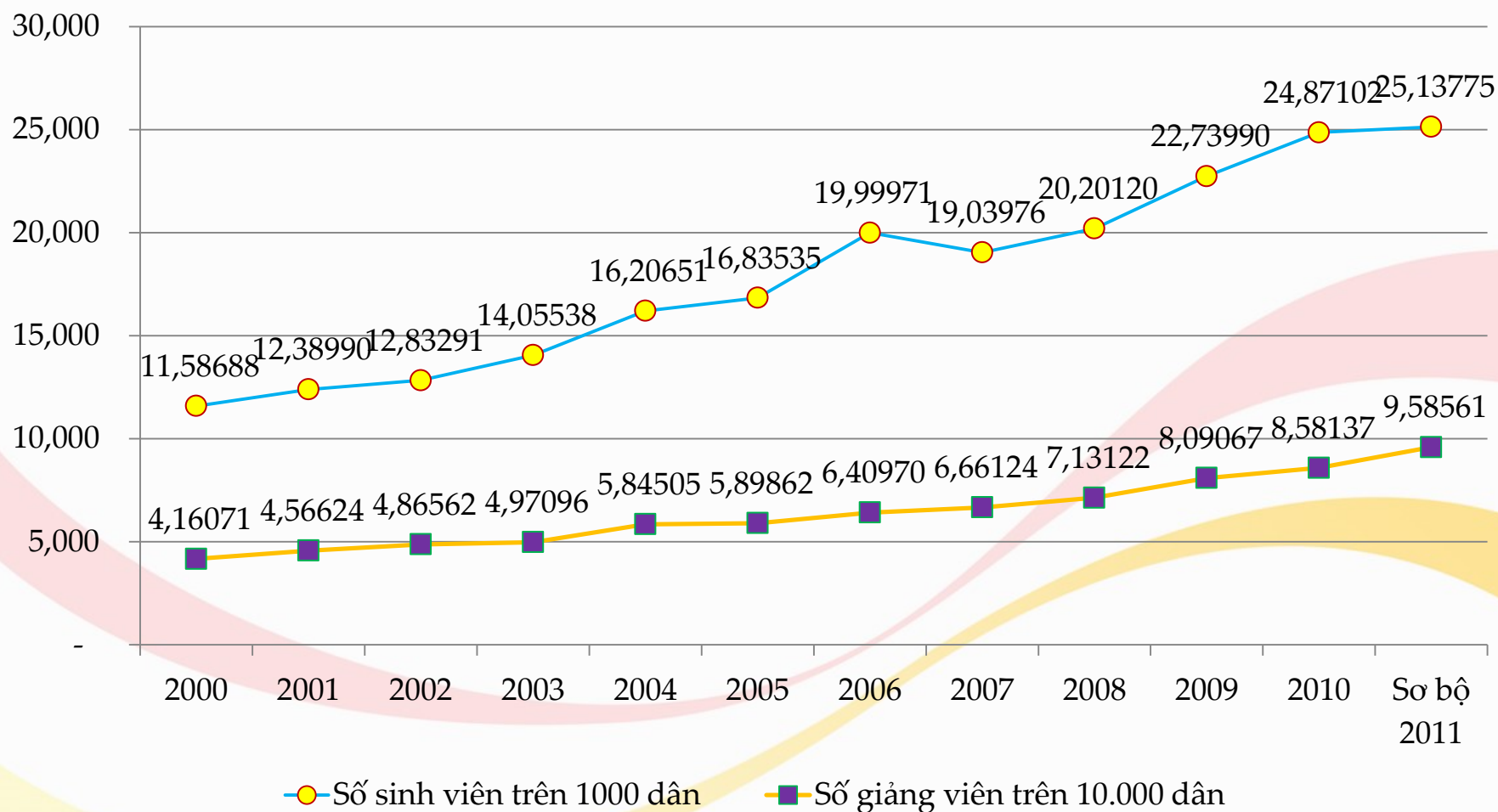
Tỷ lệ học sinh/giáo viên ở cấp phổ thông



Số lượng trường đại học và cao đẳng

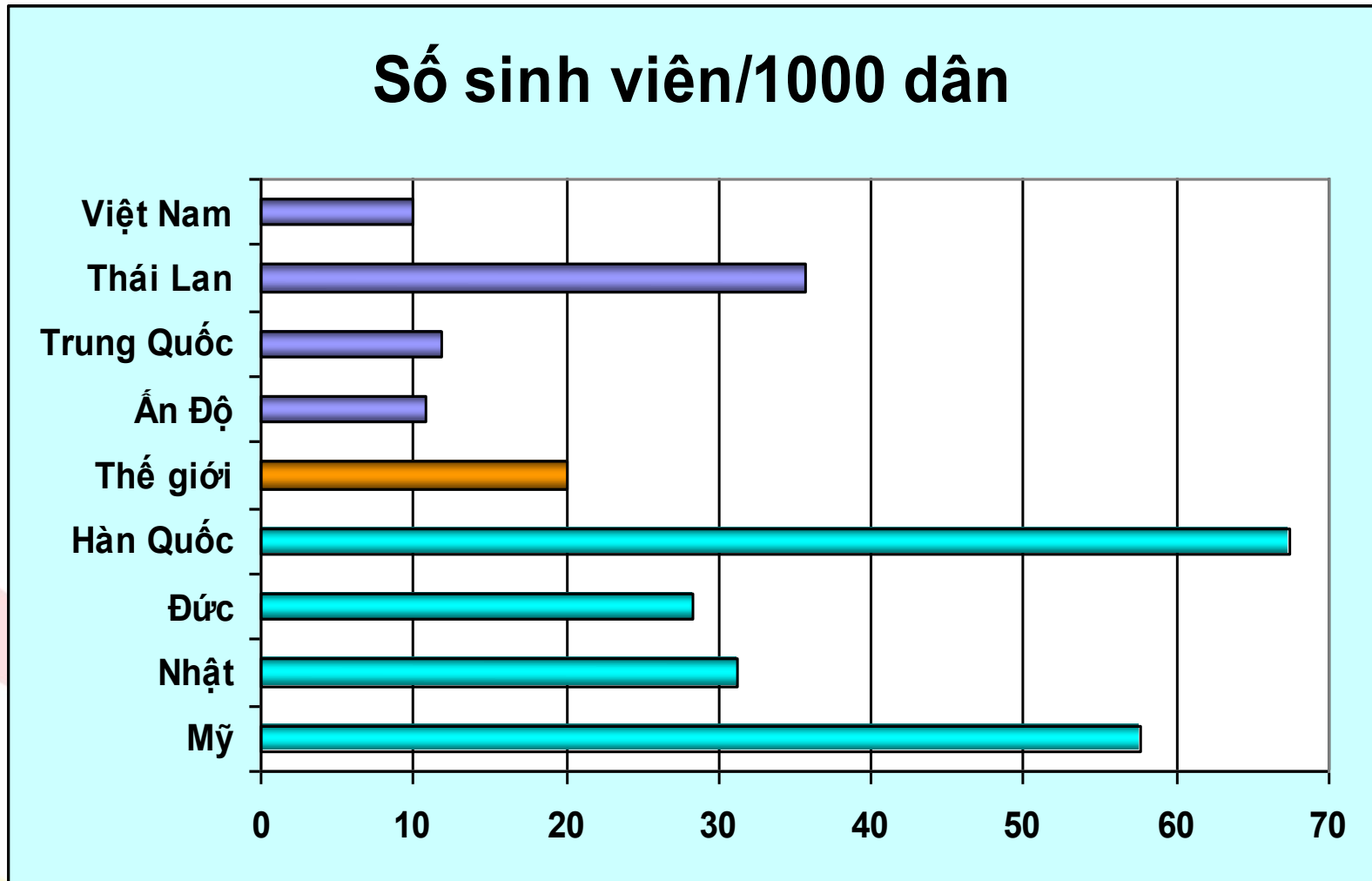


Số sinh viên, giảng viên so với quy mô dân số

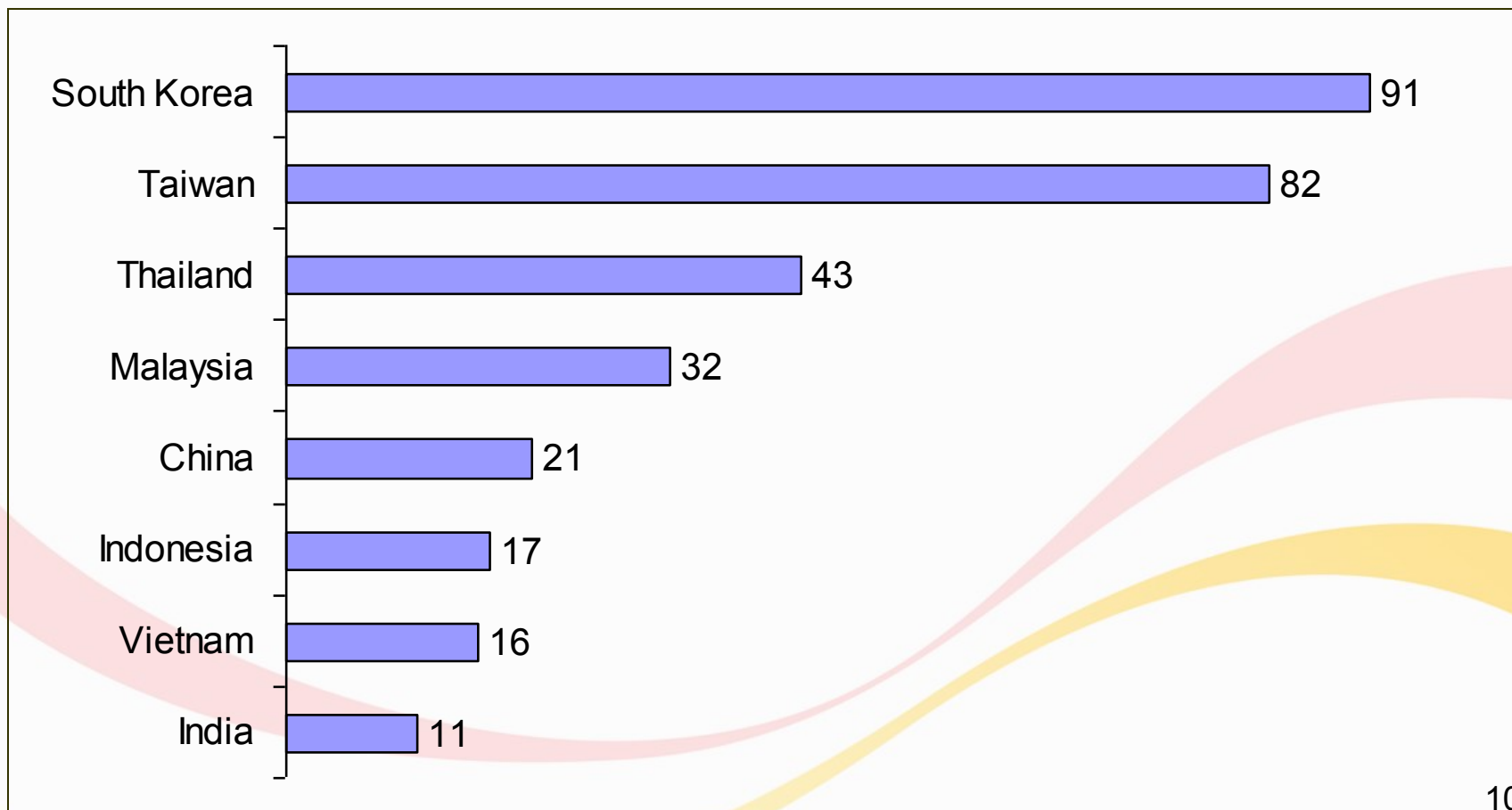


Nguồn: Tính từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Số lượng sinh viên / 1000 dân so sánh với các nước



Tỷ lệ sinh viên vào đại học năm 2005

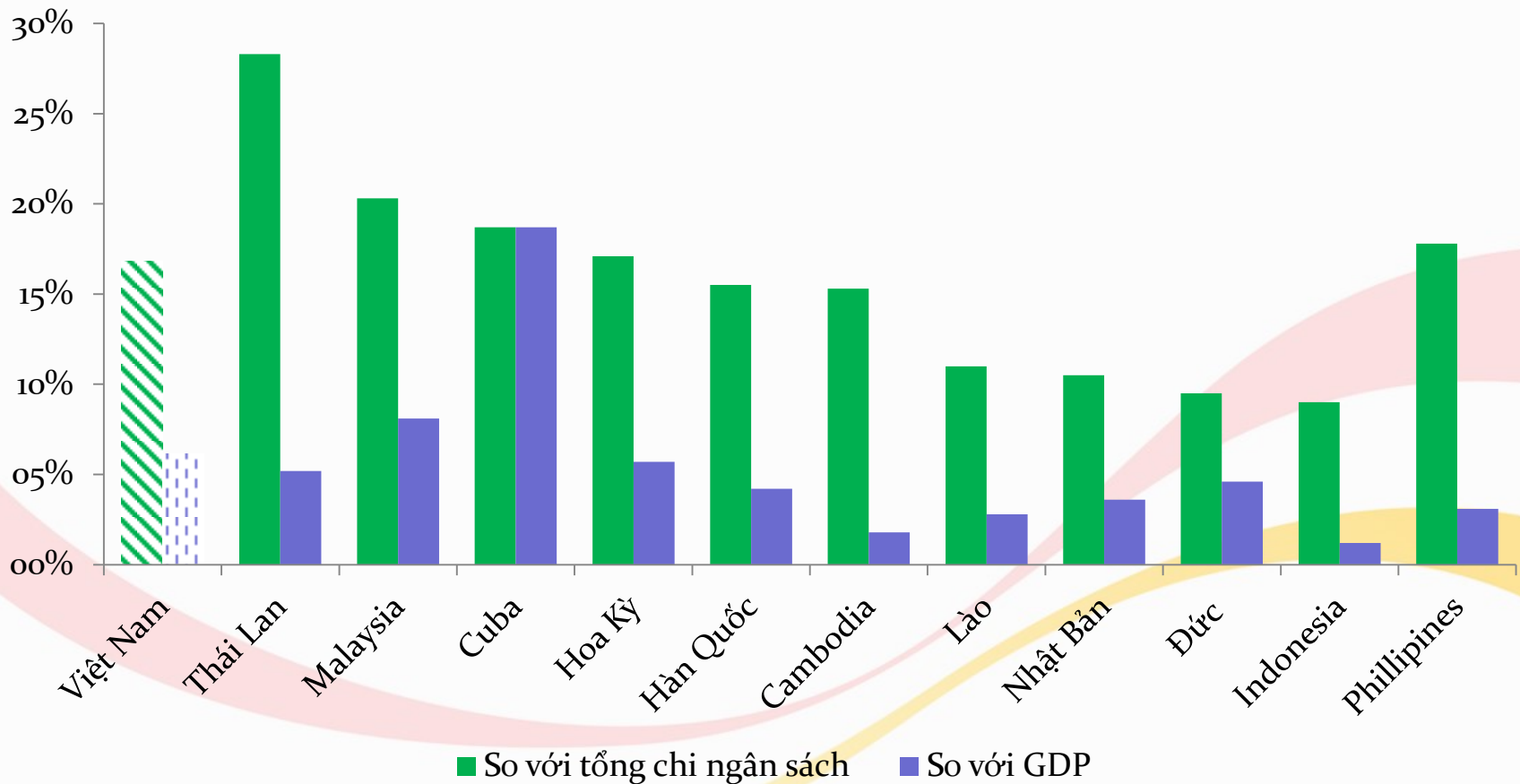


Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo

	2008	2009	2010	<i>Đvt: tỉ đồng</i> 2011
Tổng số	74,017	94,635	120,785	151,200
Trung ương	18,912	23,834	30,680	37,263
Địa phương	55,105	70,801	90,105	113,937
Chi xây dựng cơ bản	12,500	16,160	22,225	27,161
<i>Chia ra</i>				
Trung ương	5,900	7,450	9,316	10,781
Địa phương	6,600	8,710	12,909	16,380
Chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo	61,517	78,475	98,560	124,039
<i>Chia ra</i>				
Trung ương	13,012	16,384	21,364	26,482
Địa phương	48,505	62,091	77,196	97,557

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

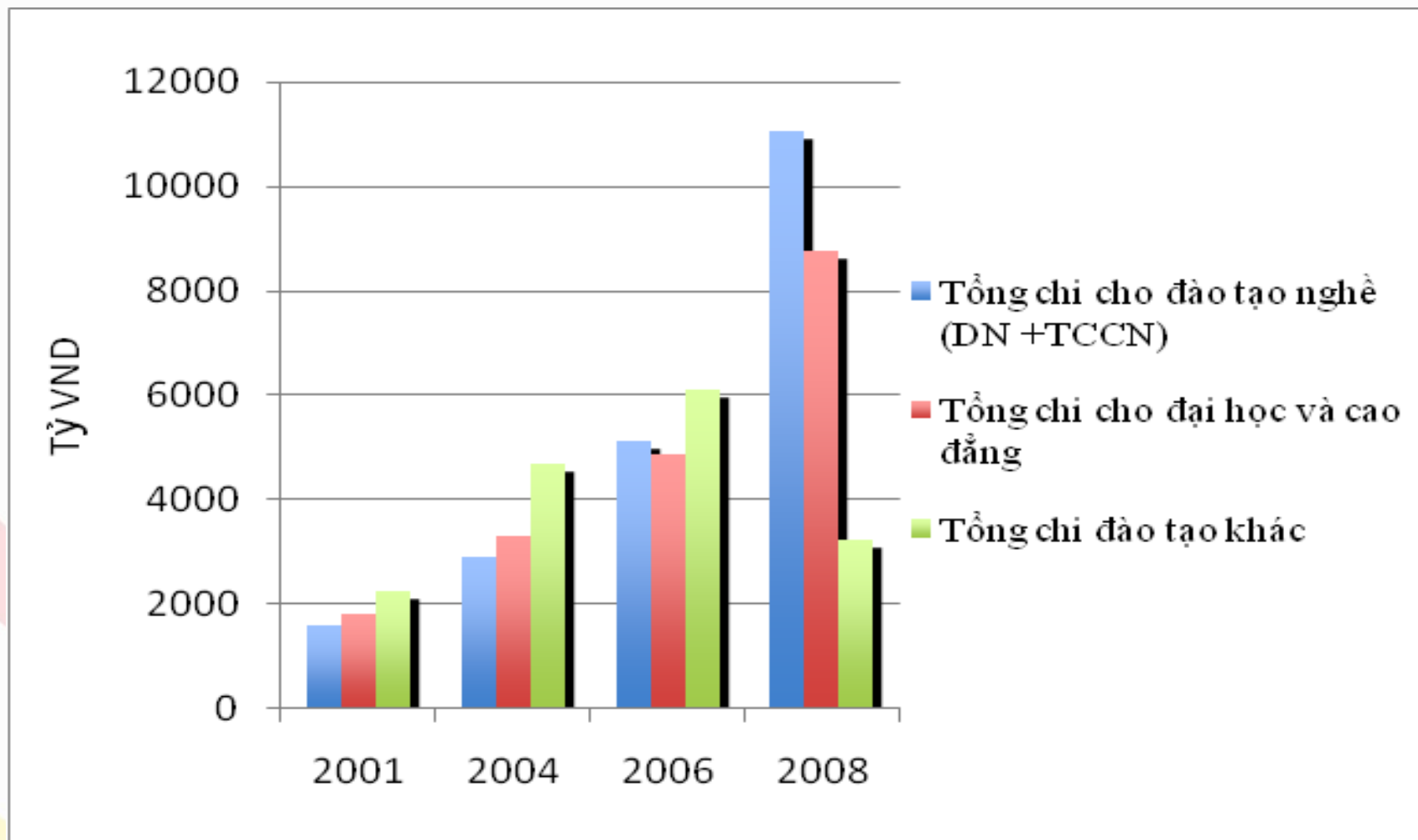
Chi tiêu ngân sách cho giáo dục, đào tạo



Chi tiêu của nhà nước cho giáo dục

	Việt Nam	Hàn Quốc	Thái Lan	Malaysia	Philippines	Indonesia	Đông Á - Thái Bình Dương
Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục (%)	20,0	16,5	25	25,2	16,4	--	16,3
Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục (%GDP)	6,1	4,6	4,2	6,2	2,7	0,9	5,2
Chi ngân sách/sinh viên so với thu nhập bình quân đầu người	34,0	9,0	24,9	71,1	12,4	13,3	NA

Chi đào tạo dạy nghề, cao đẳng đại học



Ngân sách cho giáo dục theo cấp học

Chi NSNN(Tỷ VND)	2001	2004	2006	2008
Cộng chi GD Mầm non và GD PT	14.093	23.990	38.698	58.376
<i>% tổng chi NSNN cho GDĐT</i>	71,37%	68,79%	70,62%	71,70%
Dạy nghề + TCCN	1.595	2.914	5.105	11.072
<i>% tổng chi NSNN cho GDĐT</i>	8,08%	8,36 %	9,32%	13,6%
CD, ĐH	1.798	3.294	4.881	8.752
<i>% tổng chi NSNN cho GDĐT</i>	9,11%	9,45%	8,91%	10,75%
Cộng chi đào tạo cho CD, ĐH, Dạy nghề + TCCN	3.393	6.208	9.986	19.824
<i>% tổng chi NSNN cho GDĐT</i>	17,18%	17,80%	18,22%	24,35%
Chi GDĐT khác	2.262	4.675	6.115	3.220
<i>% tổng chi NSNN cho GDĐT</i>	11,45%	13,41%	11,16%	3,95%
Tổng chi NSNN cho GDĐT	19.747	34.872	54.798	81.419
<i>Tổng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo theo giá thực 2001</i>	19.747	29.060	39.423	44.495

Lương kế hoạch và lương tiềm năng

Lương theo kế hoạch	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Lương giáo viên CĐ và ĐH (triệu đồng)	4,46	5,01	5,84	6,80	7,00	7,14

Lương lẽ ra có thể đạt	Đơn vị tính	2001	2004	2006	2008
Chi NSNN cho CĐ, ĐH	tỉ VNĐ	1.798	3.294	4.881	8.752
Số sv CĐ, ĐH công lập	ngàn người	873	1,182	1,347	1,501
Chi ngân sách/1 sv	triệu VNĐ	2,06	2,79	3,62	5,83
Học phí/năm	triệu VNĐ	1,80	1,80	1,80	1,80
Tổng nguồn tài chính/sv/năm	triệu VNĐ	3,86	4,59	5,42	7,63
<i>Chi tài chính/sinh viên/năm</i>	<i>triệu VNĐ</i>	<i>3,86</i>	<i>3,82</i>	<i>3,90</i>	<i>4,17</i>
Tổng thu theo tỷ lệ sv/gv	28	108,06	128,43	151,88	213,63
Chi thường xuyên (80% tổng thu)	triệu VNĐ	86,45	102,74	121,51	170,90
Lương (60% chi thường xuyên)	triệu VNĐ	51,87	61,65	72,90	102,54
Lương tháng	triệu VNĐ	4,32	5,14	6,08	8,55 ¹⁶

Cơ cấu chi tài chính (tất cả các cấp học)

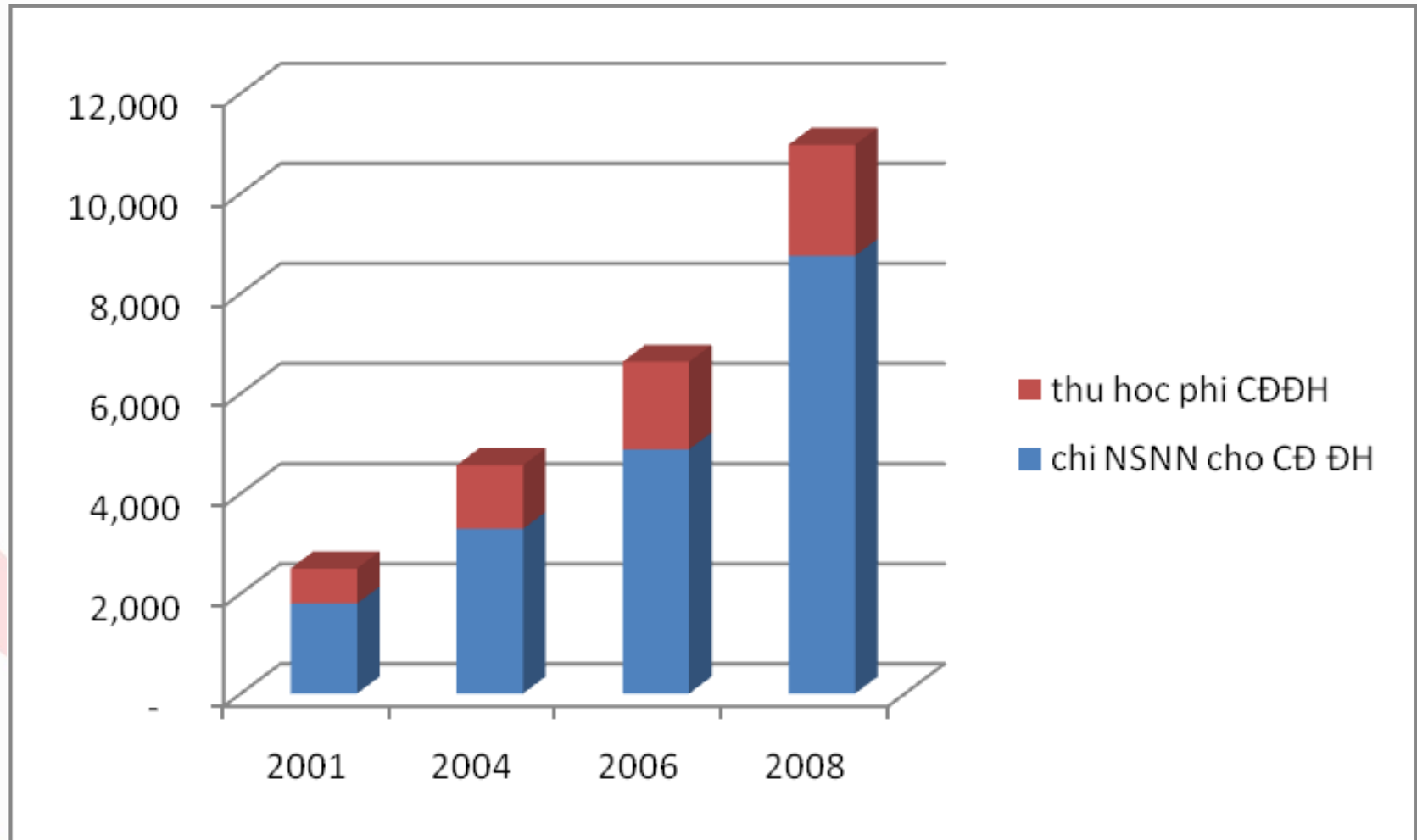
Đơn vị: %	Việt Nam	Úc	Philippines	Hàn Quốc	Trung bình Đông Á – Thái Bình Dương
Tỷ lệ tổng chi thường xuyên trong tổng chi xã hội (ngân sách nhà nước và các nguồn khác)	72	94,1	96,2	82	86
Tỷ lệ tổng chi đầu tư trong tổng chi xã hội (ngân sách nhà nước và các nguồn khác)	28	5,9	3,8	18	14

Khung học phí ĐH giai đoạn 2009 – 14

(nghìn đồng/sinh viên/năm)

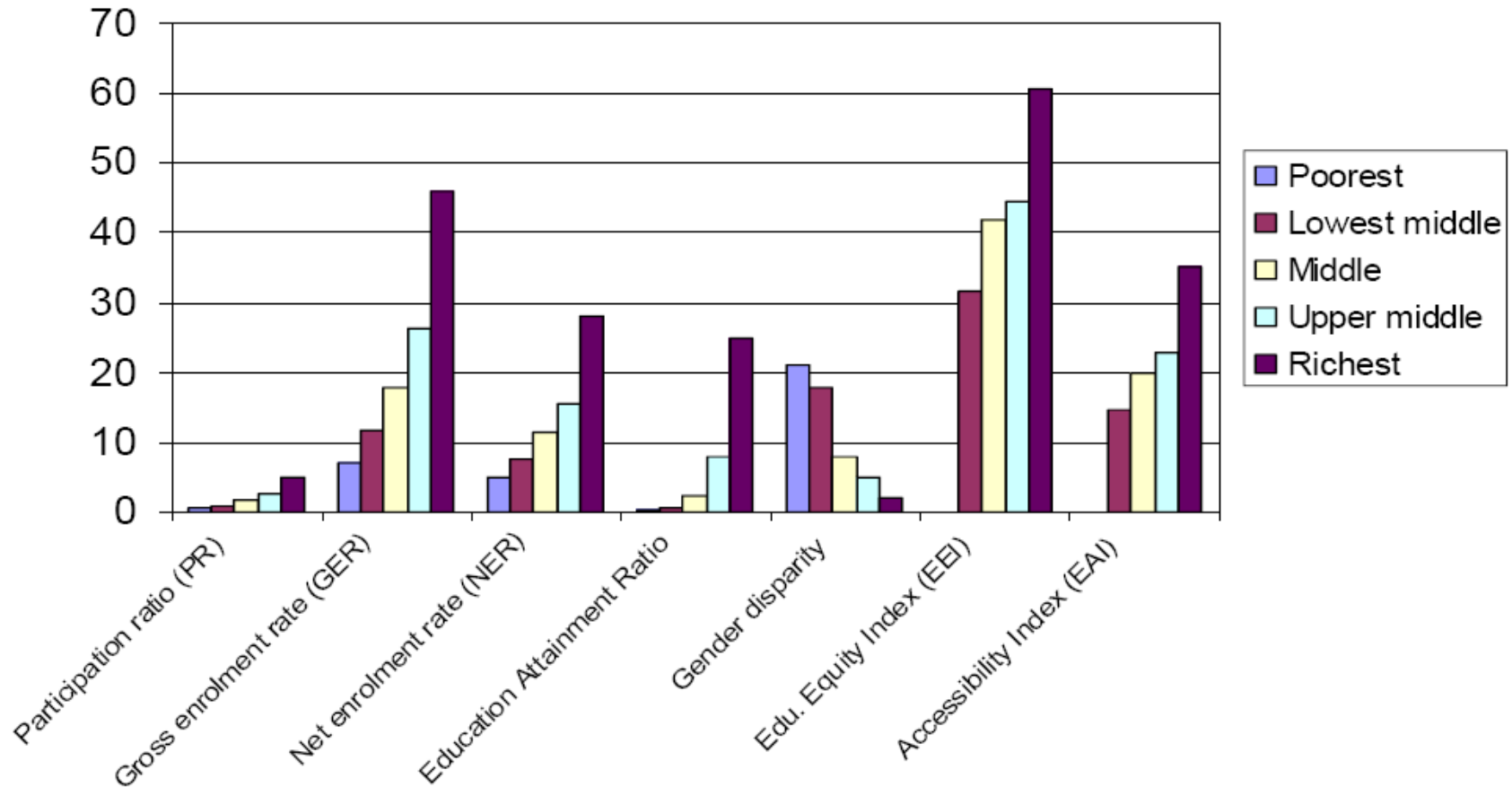
Lĩnh vực	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. KHXH, kinh tế, luật	180	255	290	350	410	480	550
2. Kỹ thuật, công nghệ	180	255	310	390	480	560	650
3. Khoa học tự nhiên	180	255	310	390	480	560	650
4. Nông – lâm – thủy sản	180	255	290	350	410	480	550
5. Y dược	180	255	340	450	560	680	800
6. TD, thể thao, nghệ thuật	180	255	310	390	480	560	650
7. Sư phạm			280	330	380	440	500
<i>Học phí bình quân theo giá thực với mức lạm phát 7% năm 2008</i>	<i>180</i>	<i>238</i>	<i>266</i>	<i>309</i>	<i>349</i>	<i>383</i>	<i>414</i>

Tiền học phí và NSNN cho giáo dục ĐH



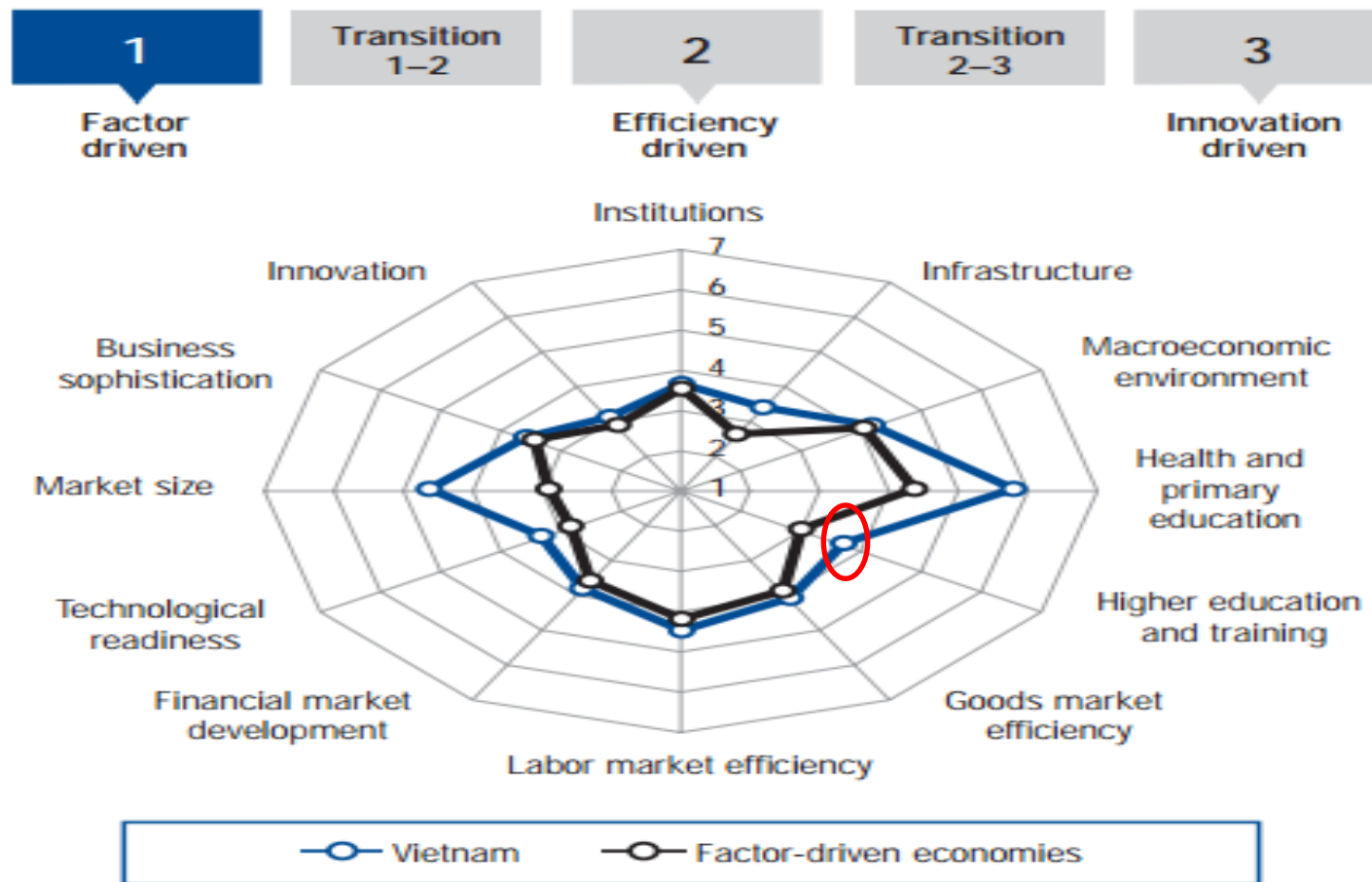
Sự công bằng trong tiếp cận giáo dục ĐH-CĐ

Chỉ số giáo dục ĐH-CĐ theo mức thu nhập



Vùng lõm về giáo dục đại học

Stage of development



Bốn câu hỏi lớn của Kinh tế học khu vực công?

- Tại sao chính phủ nên can thiệp vào giáo dục?
- Chính phủ nên can thiệp như thế nào?
- Sự can thiệp này có ảnh hưởng gì đến kết quả kinh tế?
- Tại sao chính phủ chọn lựa can thiệp theo cách thức mà chính phủ đã chọn?

Chính phủ có cơ sở can thiệp vào lĩnh vực giáo dục hay không?

- Có thất bại thị trường hay không?
 - Giáo dục không phải là hàng hóa công thuần túy
 - Chi phí biên của việc giáo dục thêm một đứa trẻ không bằng 0 (chi phí biên xấp xỉ chi phí trung bình)
 - Không khó để bắt người học trả tiền
 - Khía cạnh ngoại tác
 - Có ích cho xã hội và kinh tế (cải thiện năng suất, giảm chi phí tội phạm...)
- Thất bại của thị trường tín dụng
 - Ngân hàng không sẵn lòng cho vay học sinh
- Khía cạnh phân phối
 - Tạo triển vọng cho những đứa trẻ có xuất phát điểm bất lợi

Tại sao chính phủ nên can thiệp vào giáo dục?

- **Năng suất:**
 - Ngoại tác tiềm năng là năng suất.
 - Lợi ích xã hội từ năng suất cao hơn xảy ra qua hai kênh: (i) ảnh hưởng lây lan, và (ii) thuế
- **Tư cách công dân:**
 - Giáo dục làm cho người dân trở thành những cử tri hiểu biết và năng động hơn. Điều này giúp cải thiện quá trình dân chủ.
 - Giáo dục cũng giúp giảm xác suất dân chúng trở nên phạm pháp. Điều này cũng giúp giảm chi phí an ninh và cảnh sát.
- **Thất bại của thị trường tín dụng:**
 - Ngân hàng không tài trợ giáo dục
 - Làm sao để có thể thế chấp tương lai?
 - Thay vì cung ứng khoản vay, chính phủ trực tiếp cung ứng một mức giáo dục cố định từ ngân sách nhà nước
- **Không tối đa hóa độ thỏa dụng của hộ gia đình:**
 - Tại sao chính phủ không trực tiếp cung ứng khoản vay giáo dục cho các hộ gia đình?
 - Các bậc phụ huynh ích kỷ không sẵn lòng chi trả cho giáo dục trên cơ sở phải cắt giảm các khoản chi tiêu khác của gia đình.
- **Tái phân phối:**
 - Những người có thu nhập thấp có cơ hội gia tăng thu nhập giúp tạo ra cơ hội và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo của xã hội.

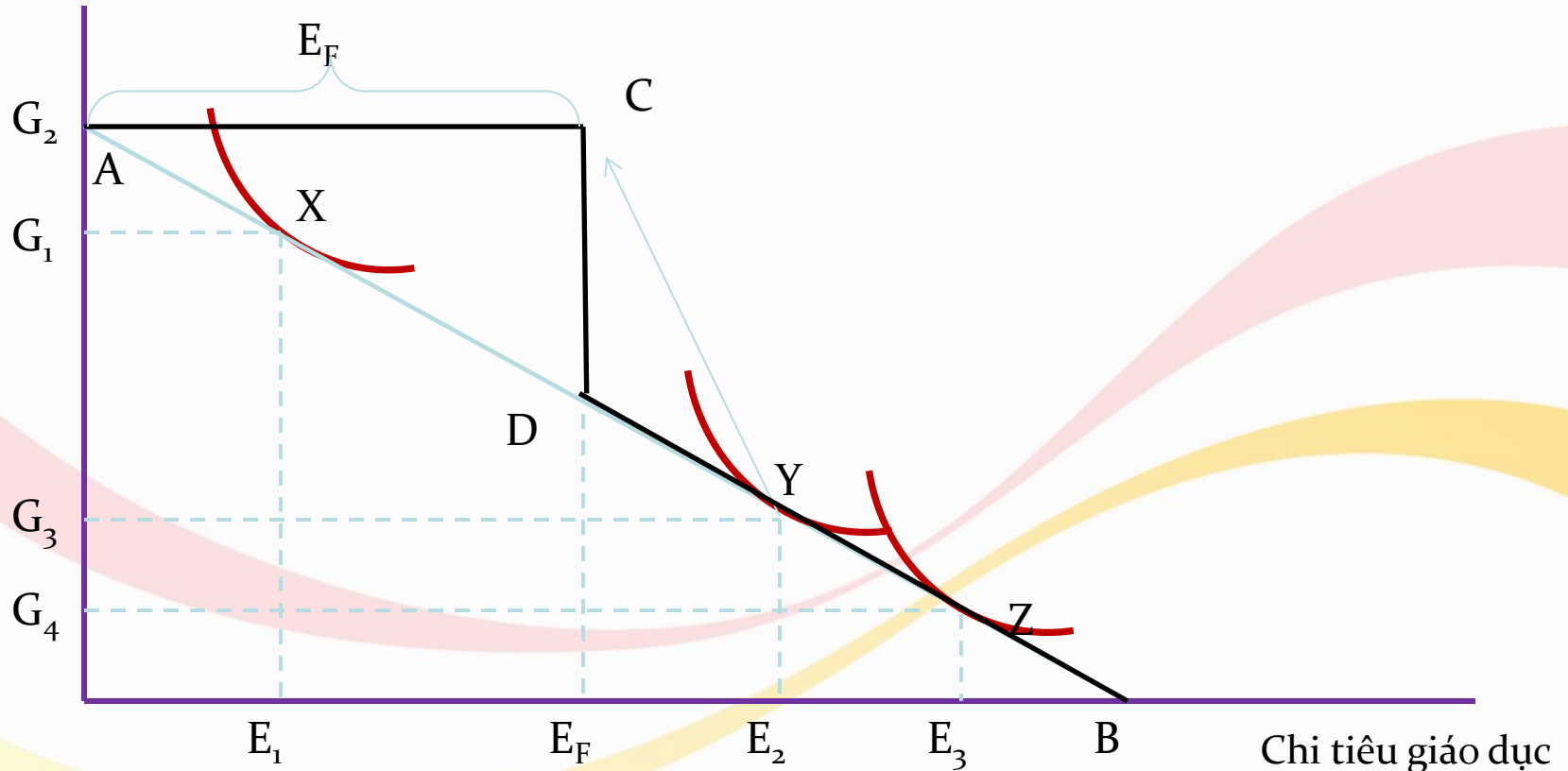
Các biện pháp can thiệp của nhà nước

- Các biện pháp tài chính
 - Phổ cập giáo dục tiểu học
 - Miễn giảm học phí, cấp học bổng
 - Khung học phí
 - Tín dụng: trực tiếp và bảo lãnh
 - Thuế
- Các biện pháp phi tài chính
 - Quản trị giáo dục
 - Sách giáo khoa và chương trình khung

Chính phủ nên can thiệp như thế nào?

Giáo dục công miễn phí và hiện tượng chèn lấn

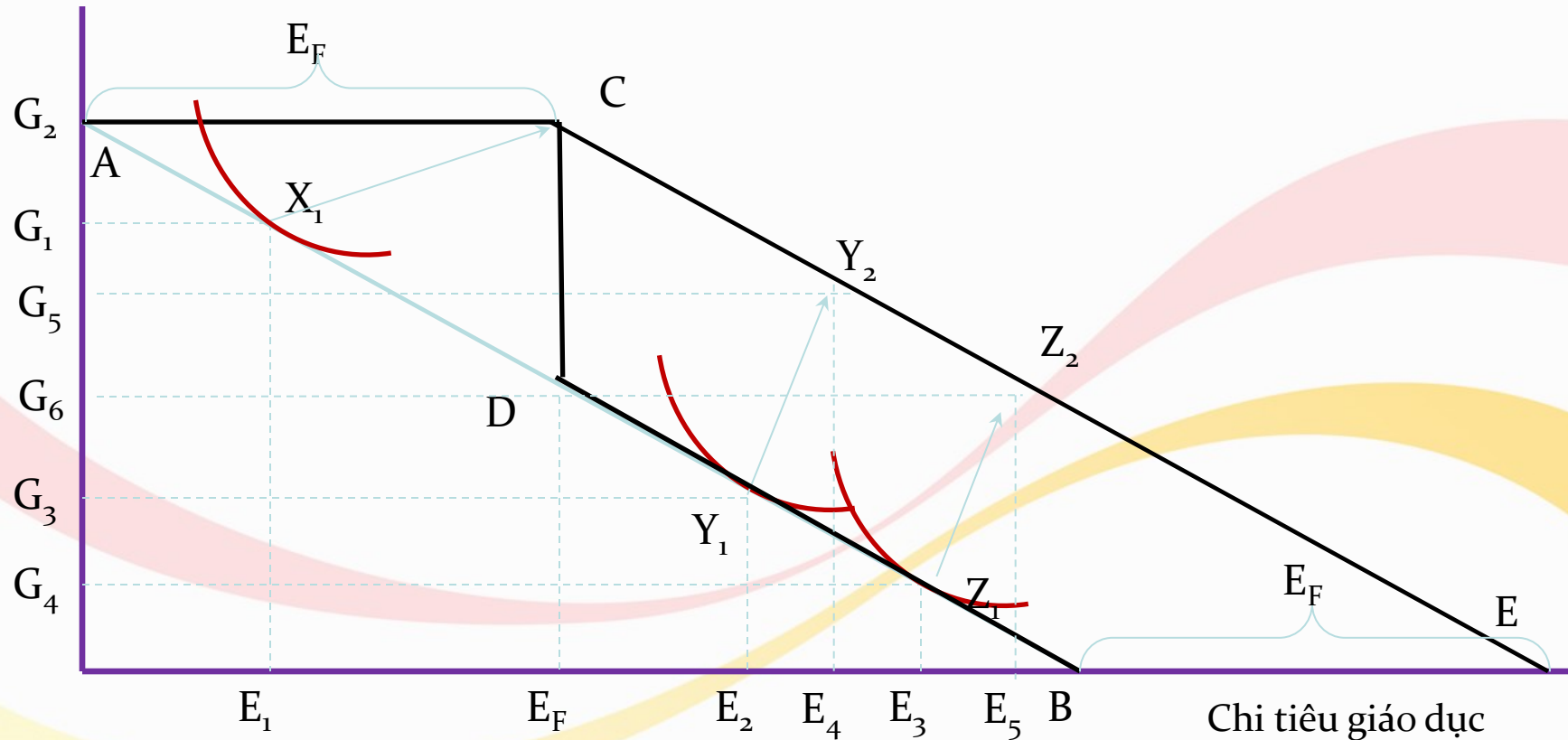
Chi tiêu hàng hóa khác



Chính phủ nên can thiệp như thế nào?

Giải quyết hiện tượng chèn lấn: Phiếu thanh toán học phí

Chi tiêu hàng hóa khác



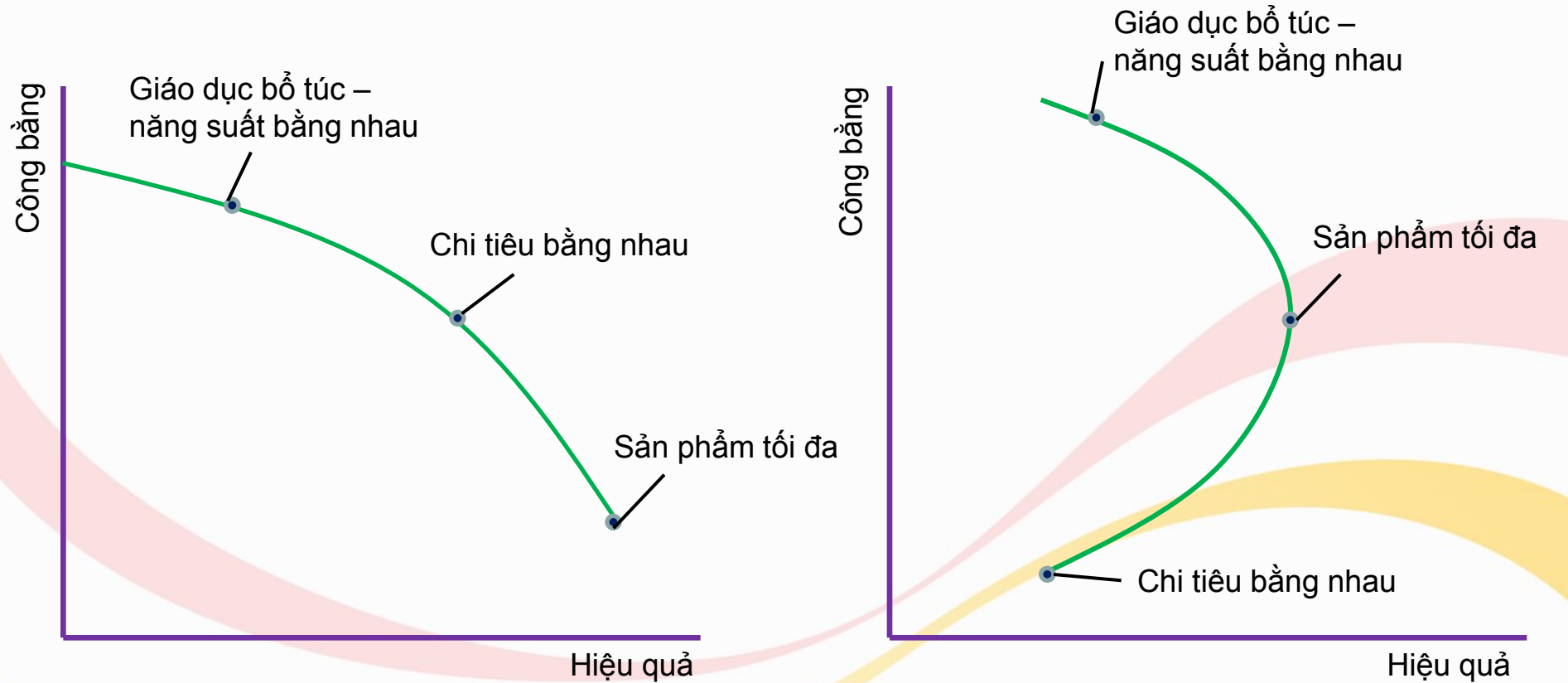
Chính phủ nên can thiệp như thế nào?

- Những trục trặc của hệ thống phiếu thanh toán học phí
- Sự chuyên môn hóa trường học thái quá
- Sự phân biệt
- Sử dụng nguồn lực công phi hiệu quả và không công bằng
- Thị trường giáo dục không có tính cạnh tranh
- Chi phí giáo dục đặc biệt

Đo lường sinh lợi giáo dục

- Ảnh hưởng của trình độ học vấn đối với năng suất:
 - Mỗi năm đi học làm tăng thu nhập thêm khoảng 7%. Kết quả này có thể gây tranh cãi.
- Giáo dục là sự tích lũy nguồn vốn nhân lực: Vốn nhân lực là trữ lượng kỹ năng của một người mà có thể gia tăng thông qua học tập nhiều hơn.
- Giáo dục là công cụ sàng lọc: Giáo dục chỉ mang lại phương tiện để tách biệt giữa những người có khả năng cao và những người có khả năng thấp chứ không thực sự làm cải thiện kỹ năng.

Nên phân bổ kinh phí giáo dục như thế nào? Công bằng hơn hay hiệu quả hơn? (tt)



(A) Có thể có những đánh đổi quan trọng giữa hiệu quả và công bằng trong việc phân bổ chi tiêu cho giáo dục.

(B) Trong một số hoàn cảnh, việc cung cấp nhiều hơn cho những người ít lợi thế vừa làm tăng hiệu quả vừa giảm bất công.

Nên phân bổ kinh phí giáo dục như thế nào? Công bằng hơn hay hiệu quả hơn? (tt)

- Nên phân đều đầu ra (thành tựu) chứ không phải đầu vào (chi tiêu)?
- Nên ưu tiên kinh phí cho những người kém khả năng hay người có khả năng hơn?
- *Quan điểm*: Có một điểm nào đó của chính sách giáo dục bù đắp (hướng đến công bằng) mà vẫn làm tăng sản lượng quốc gia (hiệu quả)?
- Câu hỏi: sự khác nhau trong mối quan hệ giữa giáo dục với năng suất giữa các cá nhân là kết quả của:
 - Khả năng bẩm sinh?
 - Môi trường (hoàn cảnh gia đình)? [tác động bổ sung vs. thay thế?]

Một số phát hiện

- Trình độ học vấn cao hơn gắn liền với xác suất tham gia vào quá trình chính trị gia tăng và ý thức nhiều hơn về các cuộc tranh luận chính sách hiện hành (Milligan, Moretti và Oreopoulos, 2004; Dee, 2004)
- Trình độ học vấn cao hơn gắn liền với xác suất hoạt động tội phạm thấp hơn (Lochner và Moretti 2004)
- Trình độ học vấn cao hơn gắn liền với sức khỏe cải thiện hơn của bản thân người có trình độ học vấn cao hơn và con em họ (Currie và Moretti 2004; Chou et al. 2007)
- Trình độ học vấn cao hơn của bố mẹ gắn liền với trình độ học vấn cao hơn của con em họ (Oreopoulos, Page và Stevens 2003)
- Trình độ học vấn cao hơn của người lao động gắn liền với tỷ lệ năng suất cao hơn của những người cùng làm việc với họ (Moretti 2004)

Vấn đề không đơn thuần là sự lựa chọn giữa hiệu quả và công bằng

- Sự lựa chọn giữa quyền của cha mẹ vs. quyền của con cái
 - Quyết định việc giáo dục con cái mình vs. được hưởng một cách công bằng các cơ hội, bất kể cha mẹ là ai
- Quan điểm *vốn con người* vs. quan điểm *sàng lọc*:
 - Giáo dục là phương tiện sàng lọc: hệ thống trường học là phương tiện sàng lọc, tách ra những người rất có năng lực và những người ít có năng lực hơn

Quan điểm về vai trò của giáo dục ở Việt Nam

- Chuyển đổi nhận thức từ
“*Giáo dục như một bộ phận của cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa*” sang
- “*Đầu tư cho giáo dục là nguồn đầu tư cho phát triển.*”

Một số chính sách trợ cấp giáo dục của nhà nước

- Phổ cập giáo dục: giáo dục bắt buộc và nhà nước chi trả học phí cho người học
- Miễn, giảm học phí
- Cấp học bổng, hỗ trợ chi phí học tập
- Hỗ trợ vùng sâu, vùng xa; chi phí trường nội trú, bán trú
- Tín dụng học sinh, sinh viên
- Các chính sách hỗ trợ dạy nghề, đào tạo cho người dân tộc, người nghèo, lao động nông thôn...
- Đầu tư và hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất
- Huy động nguồn lực tư nhân: xã hội hóa giáo dục

Thành tựu vs. hạn chế

- Thành tựu cơ bản:
 - Hoàn thành phổ cập tiểu học năm 2000, phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010
 - Quy mô giáo dục và mạng lưới giáo dục ngày càng mở rộng
 - Quyền tiếp cận giáo dục của người dân ngày càng cao
 - Chi ngân sách cho giáo dục ngày càng tăng
- Hạn chế cơ bản:
 - Nặng về lượng, kém về chất lượng
 - Mất cân đối giáo dục ngày càng nghiêm trọng (cấp bậc, ngành nghề)
 - Cơ sở vật chất còn lạc hậu
 - Quyền tiếp cận giáo dục vẫn còn hạn chế
 - Quản lý giáo dục còn nhiều bất cập: tuyển sinh, thi cử, kiểm định giáo dục
 - Chi ngân sách cho giáo dục vẫn còn khiêm tốn và dàn trải

Thảo luận thêm về các biện pháp can thiệp tài chính và phi tài chính đối với hệ thống giáo dục Việt Nam

- Nên chi cho các trường công bao nhiêu?
- Tự chủ kinh phí cho các trường ĐH
- Chính phủ có nên trợ cấp cho trường tư hay không?
- Nên trợ cấp bao nhiêu và trợ cấp như thế nào cho giáo dục?
- Quản trị giáo dục
- Sách giáo khoa và chương trình khung
- Thi tuyển sinh và kiểm định giáo dục
- Các biện pháp can thiệp khác